

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 144/2023/DS-GĐT

Ngày 07/8/2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban thẩm phán gồm có: 09/13 thành viên tham gia xét xử do ông Bùi Đức Xuân - Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lí - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phùng Văn N, sinh năm 1962;

1.2. Ông Phùng Văn N1, sinh năm 1967;

1.3. Ông Phùng Văn N2, sinh năm 1970;

1.4. Ông Phùng Văn N3, sinh năm 1972;

1.5. Ông Phùng Văn N4, sinh năm 1975.

Đại diện theo ủy quyền của ông N, ông N2, ông N3, ông N4: Ông Phùng Văn N1, sinh năm 1967 (theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2019).

Cùng địa chỉ: Khóm AP, phường AB, thành phố H, tỉnh T.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Võ Thị S, sinh năm 1963;

2.2. Ông Võ Văn **V**, sinh năm 1973;

2.3. Ông Võ Văn **Đ**, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Khóm AP, phường AB, thành phố H, tỉnh T.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lương Văn **H** (chồng bà S), sinh năm 1968;

3.2. Chị Lương Thị Thúy **A** (con bà S), sinh năm 1993;

3.3. Chị Lương Thị Thúy **H1** (con bà S), sinh năm 1996;

3.4. Bà Phạm Thị Hồng **H2** (vợ ông Đ), sinh năm 1984;

3.5. Cháu Võ Hoàng **N5** (con ông Đ), sinh năm 2004;

3.6. Cháu Võ Hoàng **K** (con ông Đ), sinh năm 2014;

Đại diện theo pháp luật của cháu Võ Hoàng N5, cháu Võ Hoàng K: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1978, bà Phạm Thị Hồng H2, sinh năm 1984.

3.7. Bà Đặng Thị **L** (vợ ông V), sinh năm 1979;

3.8. Chị Võ Thị **X** (con ông V), sinh năm 1998;

3.9. Anh Võ Anh **T** (con ông V), sinh năm 2008;

Đại diện theo pháp luật của anh Võ Anh T: Ông Võ Văn V, sinh năm 1973 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1979.

3.10. Cụ Nguyễn Thị **N6** (vợ cụ **S1**) sinh năm 1940 (chết ngày 26/02/2021);

3.11. Ông Võ Văn **B** (con cụ N6, cụ S1), sinh năm 1969;

3.12. Bà Võ Thị **L1** (con cụ N6, cụ S1), sinh năm 1971;

3.13. Bà Võ Thị **M** (con cụ N6, cụ S1), sinh năm 1965;

3.14. Bà Võ Thị **H3** (con cụ N6, cụ S1), sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Khóm AP, phường AB, thành phố H, tỉnh T.

3.15. Bà Võ Thị **M1** (con cụ N6, cụ S1), sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khóm AH, phường AB, thành phố H, tỉnh T.

3.16. Bà Võ Thị Tuyết **M2** (con cụ N6, cụ S1), sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn SR, huyện H, tỉnh T.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị N6: Bà Võ Thị S, sinh năm 1963; Ông Võ Văn V, sinh năm 1973; Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1978. Ông Võ Văn B, sinh năm 1969; Bà Võ Thị L1, sinh năm 1971; Bà Võ Thị M, sinh năm 1965; Bà Võ Thị H3, sinh năm 1985; Bà Võ Thị M1, sinh năm 1967; Bà Võ Thị Tuyết M2, sinh năm 1983.

Đại diện theo ủy quyền của các ông bà S, H, A, Thúy H1, H2, M, L, X, Đ, B,

L1, M1, H3, M2: ông Võ Văn V, sinh năm 1973 (theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2022).

3.17. Ủy ban nhân dân thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Đ2; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Địa chỉ: Khóm AT, phường AL, thành phố H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn và ông Phùng Văn N1 là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha, mẹ của các ông là cụ Phùng Văn C (Cặp - sinh năm 1926, chết 27/12/1999) và cụ Nguyễn Thị M3 (sinh năm 1935, chết 28/8/2003) nhận chuyển nhượng của cụ Dương Văn D (đã chết) vào khoảng 1950, chiều ngang 20m, chiều dài 325m với giá 06 chỉ vàng 24kara, 9,8 tuổi. Khi nhận chuyển nhượng, do cụ C và cụ M3 chưa trả đủ vàng nên hai bên không làm giấy tờ với nhau. Đến năm 1991, cha mẹ các nguyên đơn trả đủ vàng, nên hai bên có làm “*Tờ sang nhượng đất thổ cư*” xác lập văn tự từ năm 1991, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã AB.

Khoảng năm 1986 đến năm 1987, gia đình cụ Bảy S1 (cụ Võ Văn S1) quê quán Campuchia về Việt Nam sinh sống, tự ý bao chiếm đất, cất nhà ở và quản lý sử dụng trên quyền sử dụng đất của cha mẹ các ông ngang khoảng 19m, dài 44m. Trong quá trình sử dụng đất, năm 2000 cụ S1 cho con gái là bà Võ Thị S cất nhà, ông Võ Văn V cất nhà ở từ năm 2009 và ông Võ Văn Đ chung sống một nhà với vợ chồng cụ S1 từ năm 1986-1987, ngoài ra còn có cây ăn trái và các vật kiến trúc khác. Từ khi vợ chồng cụ S1 cùng các con sinh sống trên đất này, gia đình các ông đã tranh chấp liên tục nhưng không được xem xét, giải quyết.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị S, ông Võ Văn V và ông Võ Văn Đ tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc để trả lại toàn bộ diện tích đất 870,8m² (trong đó có nhà bà Võ Thị S diện tích 103m², nhà ông Võ Văn V diện tích 86,9m², nhà ông Võ Văn Đ diện tích 63,7m², còn lại là chuồng gà, cây cối và đất trống có diện tích 635,2m²). Đồng thời các ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Võ Văn S1, bà Võ Thị S.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn bà Võ Thị S, ông Võ Văn V (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Võ Văn Đ trình bày:

Cụ Võ Văn S1 (sinh năm 1935, chết 2012, là con Liệt sĩ) và cụ Nguyễn Thị N6 (sinh 1940, chết 2021) là cha, mẹ của các ông, bà trước năm 1975 sinh sống ở Campuchia. Khi miền Nam giải phóng, gia đình cụ S1 từ Campuchia về Việt Nam sinh sống, không có đất cất nhà nên năm 1983, Nhà nước có chủ trương cấp đất cho gia đình chính sách. Cụ S1 và cụ N6 được cấp phần đất chiều ngang 21m,

chiều dài 54m (diện tích theo đo đạc thực tế là 870,8m² mảnh trích đo địa chính số 20-2019). Gia đình cụ S1 quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1983 cho đến nay, không ai tranh chấp. Quá trình sử dụng, cụ S1 đóng thuế đất ở hàng năm cho Nhà nước đầy đủ. Năm 1997, ông V làm nhà, năm 2006 bà S làm nhà, ông Võ Văn Đ chung sống với vợ chồng cụ S1 từ năm 1983 đến nay. Đến năm 2000, cụ S1 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.975m² (trong đó có diện tích 870,8m² đang tranh chấp). Năm 2006, thực hiện việc đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần đất được tách thành 04 thửa 536, 537, 538, 539. Cụ S1 cho bà S phần đất thửa 536, 537, diện tích theo đo đạc thực tế là 258,2m², tờ bản đồ số 21. Thửa 538, 539 cụ S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012 cụ S1 chết, nhưng thực tế cụ S1 đã cho gia đình Võ Văn V, Võ Văn Đ quản lý, sử dụng. Phần đất 870,8m² gia đình các ông, bà đã ở ổn định từ năm 1983 đến nay. Các nguyên đơn cho rằng quyền sử dụng đất này là cụ Phùng Văn C (cha của các nguyên đơn) nhận chuyển nhượng của cụ Dương Văn D. Tuy nhiên, tờ sang nhượng mặc dù có ghi tứ cận nhưng không có sơ đồ đo đạc cụ thể, theo tờ sang nhượng thì quyền sử dụng đất hướng Tây giáp Quốc lộ 30, còn quyền sử dụng đất của gia đình ông, bà hướng Đông giáp Quốc lộ 30. Bà S, ông V, ông Đ không thống nhất với nội dung trong “Tờ sang nhượng đất thổ cư”, việc khởi kiện của các nguyên đơn không đúng vị trí đất, nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

Qua kiểm tra, rà soát Ủy ban nhân dân thành phố H không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T đã tuyên xử (tóm tắt):

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; Hộ bà Võ Thị S, hộ ông Võ Văn V và Hộ ông Võ Văn Đ được tiếp tục sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 870,8m².

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/01/2022 các nguyên đơn có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 185/2022/DS-PT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã tuyên xử (tóm tắt):

Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu hộ bà Võ Thị S, ông Võ Văn V và ông Võ Văn Đ phải di dời nhà và các vật kiến trúc khác trên đất để trả lại cho anh em các ông quyền sử dụng đất diện tích 870,8m², thuộc các

thửa 536, 537, 538, 539, tờ bản đồ số 21, đất do hộ bà Võ Thị S, ông Võ Văn S1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ của hộ bà Võ Thị S, ông Võ Văn S1; Hộ bà Võ Thị S, hộ ông Võ Văn V và hộ ông Võ Văn Đ được tiếp tục sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 870,8m².

Ngày 26/7/2022, các nguyên đơn có đơn đề nghị kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm nêu trên. Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như trong việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; nhiều chứng cứ chưa được chứng minh làm rõ dẫn đến việc ra quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án cụ thể như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tại khoản 4, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.”*. Tại khoản 4, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh: *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án.”*.

Trong vụ án, các nguyên đơn tranh chấp với bị đơn quyền sử dụng đất và có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn S1 và bà Võ Thị S đứng tên. Căn cứ vào quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Tố tụng hành chính như đã viện dẫn trên thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết là không đúng thẩm quyền, vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/3/2000 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T đã cấp cho Hộ cụ Võ Văn S1 được quyền sử dụng diện tích 6975m² (loại đất lúa, ở và Ao hồ) gồm: thửa đất số 692 diện tích 2850m², thửa 464 diện tích 2991m², thửa 152 diện tích 567m², thửa 302 diện tích 567m², thuộc các tờ bản đồ số 6, 7 và 21; đất tọa lạc tại ấp L, xã AB, huyện H, tỉnh T.

Ngày 28/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã AB, cụ S1 làm thủ tục tặng cho (qua hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) con là bà Võ Thị S diện tích 279m² thuộc thửa 152 và thửa 302 diện tích 143m².

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 160116, ngày 31/8/2006 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T đã cấp cho bà Võ Thị S được quyền sử dụng thửa đất số 537, tờ bản đồ số 21, diện tích 143m² (loại đất ở tại nông thôn).

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 160418, ngày 31/8/2006 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T đã cấp cho bà Võ Thị S được quyền sử dụng thửa đất số 536, tờ bản đồ số 21, diện tích 136m² (loại đất nuôi trồng thủy sản).

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 160117, ngày 31/8/2006 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T đã cấp cho cụ Võ Văn S1 được quyền sử dụng thửa đất số 539, tờ bản đồ số 21, diện tích 421m² (đất ở tại nông thôn);

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 160417, ngày 31/8/2006 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T đã cấp cho cụ Võ Văn S1 được quyền sử dụng thửa đất số 538, tờ bản đồ số 21, diện tích 389m² (loại đất nuôi trồng thủy sản).

[2.2] *Về việc quản lý, đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất tranh chấp:*

Quá trình giải quyết vụ án bên nguyên đơn trình bày: khoảng năm 1986-1987, gia đình cụ Võ Văn S1 từ Campuchia về Việt Nam sinh sống, tự ý bao chiếm đất của cha mẹ nguyên đơn để ở. Tuy nhiên, bên bị đơn lại trình bày Nhà nước cấp đất cho gia đình từ năm 1983 và gia đình đã quản lý đến nay.

Tại Văn bản số 269/TA-DS ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H có hỏi Ủy ban nhân dân thành phố H nhiều nội dung, trong đó có nội dung yêu cầu cung cấp thông tin về người đầu tiên đăng ký đất tranh chấp vào sổ mục kê hay sổ địa chính; tuy nhiên Công văn số 2850/UBND-HC ngày 07/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H trả lời các nội dung khác, không trả lời nội dung về việc người đăng ký sổ mục kê hay sổ địa chính mà không nêu rõ lý do.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ: từ 1975 đến thời điểm 1983 (thời điểm bên gia đình bị đơn trình bày nhận đất theo chủ trương của Nhà nước) có ai là người quản lý đất tranh chấp hay chỉ là đất trống; từ thời điểm 1983 đến trước thời điểm năm 2000 (cụ S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì ai là người kê khai, đăng ký, thực hiện nghĩa vụ thuế đất đối với Nhà nước; chưa yêu cầu bên bị đơn nêu rõ lý do gì cụ S1 được Nhà nước cấp đất từ năm 1983, qua nhiều thời kỳ Luật Đất đai 1987, 1993 nhưng

không đăng ký, đến năm 2000 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chưa thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ S1 vào năm 2000 để làm rõ cơ sở pháp lý về việc cấp quyền sử dụng đất cho cụ S1 là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[2.3] *Về chủ trương của Nhà nước cấp đất cho các gia đình chính sách năm 1983:*

Lời khai của ông Trần Văn K2, nguyên Tập đoàn trưởng Tập đoàn 1, thuộc ấp L, xã AB trình bày: Năm 1983, Ủy ban nhân dân huyện H có chủ trương (không có giấy tờ, chỉ chỉ đạo miệng) cho Ủy ban nhân dân xã cấp đất cho các hộ dân ở Campuchia về Việt Nam sinh sống; Ủy ban nhân dân xã đã cấp cho rất nhiều hộ, trong đó có hộ của cụ S1. Lời trình bày của cụ Bùi Văn N7 cũng xác nhận chính quyền địa phương có chủ trương lấy đất chia lại cho những người không có đất, trong đó gia đình cụ N7 cũng có đất chính quyền địa phương lấy chia lại.

Tại Văn bản số 1469/UBND-HC ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H trả lời Tòa án nhân dân thành phố H: “*Nhà nước có chủ trương cấp đất thổ cư cho nhân dân*”.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố H cung cấp về việc “*Nhà nước có chủ trương cấp đất thổ cư cho nhân dân*” có văn bản, giấy tờ hay không? Cấp thẩm quyền nào của Nhà nước có chủ trương cấp đất thổ cư cho nhân dân? Chưa làm rõ thời điểm năm 1983, Ủy ban nhân dân xã cấp đất cho các gia đình thuộc diện chính sách có lưu lại các văn bản, giấy tờ liên quan hay không (bản vẽ hay sơ đồ cấp đất cho từng hộ; biên bản họp của Ủy ban nhân dân xã...) là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn trong khi nhiều chứng cứ chưa được chứng minh làm rõ là chưa có căn cứ vững chắc; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy cả hai Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 185/2022/DS-PT ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T và Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T về vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn là ông

Phùng Văn N, ông Phùng Văn N1, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn N3, ông Phùng Văn N4 với bị đơn là bà Võ Thị S, ông Võ Văn V, ông Võ Văn Đ.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (*để báo cáo*);
- Vụ pháp chế và QLKH - TANDTC (*để biết*);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh T;
- TAND tpố H, tỉnh T;
- Chi Cục THADS tp H, T;
- Các đương sự (*theo địa chỉ*);
- Lưu: VT (VP, GDKT II, THS), hồ sơ vụ án.
(P.T.L)

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân